CHÙA TƯƠNG SƠN TRONG THƠ VĂN YÊN HÀNH CỦA SỨ THẦN VIỆT NAM VÀ GIAO LƯU VĂN HÓA VIỆT NAM - TRUNG QUỐC THỜI NHÀ THANH

(Trường hợp Sứ thần Hoàng Trọng Chính)

(Tiếp theo và hết)

TRẦN QUỐC BẢO*
CHUNG KHA**

3. Đề thơ tại chùa Tương Sơn

Ngày 19 tháng 7 năm Càn Long thứ 48, sau khi qua cửa khẩu, sứ đoàn Hoàng Trọng Chính đi theo đường bộ, đi qua Trấn Nam Quan, doanh trại Mộ Phủ, thành Thụ Hàng đến Châu thành Ninh Minh, từ Châu thành Ninh Minh lên thuyền, đi đường thủy dọc theo sông Minh Giang, Tả Giang, Uất Giang, Tầm Giang, Quế Giang, Li Giang, trên đường đi qua phủ thành Thái Bình, châu thành Tân Ninh, phủ thành Nam Ninh, huyện thành Vĩnh Thuần, thành Hoành Châu, thành Quý Huyện, huyện thành Quế Bình, huyện thành Bình Nam, thành Đằng Huyện, phủ thành Ngô Châu, phủ thành Bình Nhạc, huyện thành Dương Sóc… đến ngày 18 tháng 9 thì tới thành Quế Lâm tỉnh Quảng Tây. Ngày 22 tháng 9, Tuần phủ Quảng Tây Tôn Sĩ Nghị thiết yến tiệc khoản đãi sứ đoàn, ngày 6 tháng 10 khởi hành từ Quế Lâm (29). Đi qua Linh Cừ theo đường thủy Tương Giang hướng lên phía bắc, đồng thời trên đường khi quá cảnh huyện Toàn Châu, đã đặc biệt tham quan chùa Tương Sơn của huyện này.

Chùa Tương Sơn Toàn Châu, vốn tên là Tịnh Độ viện, do Thiền sư Toàn Chân Tông Huệ thành lập từ năm Chí Đức thứ nhất Đường Túc Tông (756), có hơn nghìn năm lịch sử. Tương Sơn chí viết: Sắc phong cho Từ Hựu Tịch Chiếu Diệu Ứng Phổ Huệ đại sư, pháp danh húy Toàn Chân, hiệu Tông Huệ, là người huyện Tư Hưng Lâm Châu tỉnh Hồ Nam, nay là trấn Hưng Inh thành phố Tư Hưng, Lâm Châu tỉnh Hồ Nam, vốn họ Chu (30). Vào năm Thiền Sư Toàn Chân 16 tuổi (Đường Huyền Tông năm Thiên Bảo thứ 10, 751), ông đã thế phát thụ giới tại chùa Khai Nguyên thuộc Sâm Châu, tỉnh Hồ Nam, cũng mùa đông cùng năm đó, ông đã tới Kính Sơn, tỉnh Hàng Châu để tham bái Thiền Sư Ngưu Đầu Tông Pháp Khâm ở Giang Đông (31). Sau khi nổ ra loạn An Sử, Thiền Sư Toàn Chân vân du khắp nơi. Đến năm Đức Nguyên, Thiền sư Toàn Chân ở lại Viện Tịnh độ, giảng kinh truyền đạo, hoằng dương Phật pháp. Đến cuối niên hiệu Thái Hòa đời Đường Văn Tông (827-835), bị áp bức bởi chính sách đàn áp Phật giáo của nhà Đường thời bấy

*GS.TS, ** NCS. Viện Nghiên cứu Việt Nam, Đại học Sư phạm Quảng Tây, Trung Quốc

giờ, Thiền sư Toàn Chân rời khỏi Viện Tịnh Độ, ẩn thân tại núi Phúc Phủ huyện Tương Nguyên. Sau khi kết thúc Pháp nạn niên hiệu Hội Xương đời Đường Vũ Tông, Thiền sư Tông Huệ vốn đang ẩn cư tại núi Phúc Phủ. Chùa Tương Sơn vì có Thiền sư Tông Huệ truyền kinh hoằng đạo mà nức tiếng gần xa. Có điều, từ khi Thiền sư Toàn Chân trở lại viện Tịnh độ, thì giảng Kinh Vô lượng thọ. Vì Tịnh Độ tông và "phái Nam Thiền Tông có điểm giống nhau là đều không phải học thuộc kinh văn, chỉ cần trong tâm có Phật, tụng hành liên tục thì đều có thể thành Phật. Điều này đã tạo ra một cơ hội đặc biệt cho sự phổ biến đại chúng của Phật giáo. Tịnh Độ Tông và Thiền Tông đã cùng hình thành trào lưu Phật giáo được phổ biến rộng rãi trong xã hội". Từ khi Thọ Phật Thích Toàn Chân thành lập Viện Tịnh Độ tại Tuyền Châu, hoằng dương pháp môn Tịnh Độ, "Tịnh Độ Tông tại Quảng Tây có ảnh hưởng tới Cư sĩ sau này, và trở thành một trong những đặc điểm quan trọng của Phật giáo Quảng Tây" (32). Vào ngày 8 tháng 2 năm Hàm Thông thứ 8 đời Đường Ý Tông (867), Thiền sư Toàn Chân viên tịch tại chùa Tương Sơn, hưởng thọ 132 tuổi (33).

Về ảnh hưởng của Thiền sư Toàn Chân Tông Huệ đối với văn hóa dân gian và lịch sử phát triển của Phật giáo, có học giả đã nhận xét "bất luận là tín ngưỡng dân gian cổ đại hay lịch sử phát triển của Thiền tông đều có ảnh hưởng rất quan trọng. Trong dân gian, vì ông có nhiều biến hóa thần kì, nên khi sinh thời được tín chúng Phật giáo tôn sùng là Vô Lượng Thọ Phật, sau khi ông viên tịch, lại hình thành tín ngưỡng Vô Lượng Thọ Phật, lan rộng trên nhiều tỉnh thành và tồn tại qua hàng ngàn năm; trong lịch sử Thiền Tông, *Mục Ngưu Ca* của ông đã mở ra lịch sử lấy kệ tụng Mục Ngưu tuyên giảng Thiền pháp, không chỉ mở ra phương pháp thuyết Thiền mới, mà còn làm phong phú thêm nội dung văn học Thiền" (34). Người đời sau cũng coi chùa Tương Sơn là đạo tràng của Vô Lượng Thọ Phật. Tác phẩm *Tương Sơn Tổ sư hành trạng*, của Trí Duẫn đời Tống viết: "Phạn văn gọi là "A Di Đà", cũng là nói "Vô Lượng Phật". Sau khi được xây dựng, chùa Tương Sơn đã trải qua nhiều giai đoạn hư hại, phục hưng và tái xây dựng trong thời kỳ Đường, Tống, Nguyên, Minh và Thanh, nhưng hương hỏa luôn thịnh vượng hơn nghìn năm, danh tiếng hiển hách, ảnh hưởng sâu rộng.

Ngay từ thời Đường khi chùa Tương Sơn được xây dựng, tầm ảnh hưởng của chùa đã lan rộng. Cuối thời Đường, Lý Tri Nguyên (Huyền) trong tác phẩm "Cổ Tháp kí" đã viết: "Mùa hạ năm Càn Phù Giáp Ngọ (874), Lưu tướng công từ Hoan Châu trở về, qua Tương Nguyên đã đến cúng Phật" (35). Lưu Chiêm, người Liên Châu thời nhà Đường (nay là Thành phố Liên Châu Thanh Viễn, tỉnh Quảng Đông), đỗ tiến sĩ, năm Hàm Thông thứ 11 đời Đường Ý Tông (870), làm quan đến chức tể tướng, vì dám nói thẳng để can gián mà bị khép tội, "biếm chức cho làm Hoan Châu ti hộ tham quân sự" (36). Hoan Châu thời Đường, nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Năm Càn Phù thứ nhất, đời Đường Hy Tông (874), Lưu Chiêm được triệu về triều, phục chức về vị trí cũ (37). Khi đi lên phía bắc trở về Kinh đô Trường An, trên đường đi có qua chùa Tương Sơn Toàn Châu hiện nay, ông đã đặc biệt ghé thăm chùa để dâng hương, quyên góp xây dựng tháp Phật. Qua hoạt động của Lưu Chiêm tại chùa Tương Sơn, không khó để thấy rằng chùa Tương Sơn nằm trên tuyến đường giao thông quan trọng giữa An Nam và nội địa Trung Quốc, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự truyền bá văn hóa

Phật giáo Trung Nguyên xuống phương Nam và giao lưu văn hóa giữa An Nam và nội địa Trung Quốc thời Đường.

Thời Tống, sau khi An Nam tự chủ, Phật giáo các triều đại Việt Nam đều hưng thịnh, giao lưu văn hóa Phật giáo giữa Trung Quốc và Việt Nam cũng diễn ra thường xuyên. Đặc biệt, vào đầu thời kỳ nhà Thanh, dưới ảnh hưởng của Lâm Tế tông, nhà sư Trừng Lân Giác (38) triều Hậu Lê ở Việt Nam đã sáng lập "phái Liên Tông". "Liên Tông phái tuy thuộc truyền thừa Lâm Tế tông, nhưng lại thiên về Tịnh độ, lấy A Di Đà Phật làm công án tham thiền; Đồng thời đề xướng "thiền giáo song vận", lấy "giáo" làm trọng yếu, đưa giáo lí, tu thiền và niệm Phật kết thành một thể thống nhất. Những đặc điểm này đã giúp phái Liên Tông lưu truyền được đến mọi tầng lớp nhân dân" (39). Dưới sự ảnh hưởng này, các sứ thần Việt Nam khi đi qua chùa Tương Sơn Toàn Châu đã luôn quan tâm và muốn đến thắng địa Phật giáo hoằng dương pháp môn Tịnh Độ này, nhiều sứ thần mến mộ danh tiếng đã đến tham quan lãm du, và đề thơ lưu niệm. Hiện nay, bài đề thơ chùa Tương Sơn được biết đến sớm nhất là bài "Du Tương Sơn tự lễ Vô Lượng Thọ Phật chân thân", được Nguyễn Trung Ngạn (thời Trần) viết vào năm Diên Hựu thứ nhất, đời Nguyên Nhân Tông (1314) khi đi sứ Trung Quốc:

一径苔花碧未乾，杖黎扶我过前关。烟笼松影迷孤塔，风递钟声落半山。

胜地杳无车马到，居僧长契水云间。从来佛本无名相，底事真身在世间 (40).

Dịch nghĩa:

"Dưới bóng rêu xanh còn đẫm ướt, Cầm gậy chống bước qua cổng ngoài. Sương giăng mờ ảo bóng tùng che tháp cổ, Gió đưa tiếng chuông rơi rụng nửa sườn non.

Chốn thiêng vắng bóng xe ngựa, Sư già ẩn mình cùng mây nước. Từ xưa Phật vốn không hình tướng, Sao lại có chân thân ở thế gian?".

Theo ghi chép trong *Việt Nam Hán văn yên hành văn hiến tập thành*, sứ thần Việt Nam các triều đại ngoài những ghi chép tự thuật về chùa Tương Sơn, còn lưu lại 39 bài thơ đặc biệt (41), trong đó, có 37 bài được sứ thần của các triều Hậu Lê, Tây Sơn và nhà Nguyễn sáng tác, và không ít những bài thơ được viết tại chính chùa Tương Sơn. Như đã đề cập trước đó, vào năm Đạo Quang thứ 11 (1831), Phan Huy Chú, người giữ chức Ất Phó sứ của sứ đoàn, khi tham quan chùa Tương Sơn đã nhìn thấy bài thơ được viết trên vách chùa của Ngô Thì Vị, vào năm Gia Khánh thứ 14 (1809). Đó là bài *Du Tương Sơn tự* và bài *Vịnh Vô lượng thọ Phật* (42):

游湘山寺

楚南名胜地犹传，顶礼亲参第一禅。锦绣楼台如画轴，蓬莱山水欲秋天。

七层杰塔金身古，三乘遗经贝语玄。拾级僧房绚佛事，回看已在几重巅 (43).

Dịch nghĩa:

Thăm chùa Tương Sơn

"Danh tiếng đất Sở vang lừng, Cúi đầu đảnh lễ bậc thiền tôn. Lâu đài gấm vóc như tranh vẽ, Non nước Bồng Lai đẹp như mùa thu.

Tháp cao bảy tầng sừng sững cổ kính, Kinh Phật ba thừa ẩn chứa huyền cơ. Lên từng bậc thềm, cảnh Phật rực rỡ, Quay đầu nhìn lại, đã đến chốn cao xa".

咏无量寿佛

云来无影去无踪，一息禅机万劫空。蝉蜕皮囊归佛国，龙藏齿骨镇魔宫。

三湘烟水朝清净，七夜毫光显力雄。覆釜轮转飞锡处，因缘只在两山中(44).

Dịch nghĩa:

Vịnh Vô lượng thọ Phật

"Mây đến không hình, mây đi không dấu, Một niệm thiền cơ muôn kiếp hư vô. Ve sầu lột xác về cõi Phật, Rồng ẩn xương cốt trấn cung ma.

Nước non Tam Tương sáng trong thanh tịnh, Bảy đêm hào quang rực rỡ uy nghi. Chỗ Bồ Tát chuyển luân hồi, Duyên may chỉ tại nơi non nước này".

Cảm động trước khung cảnh này, Phan Huy Chú đã sáng tác bài thơ có tiêu đề *Tự bích kiến cữu thị cựu đề hữu cảm* (45). Tuy nhiên, bài thơ mà Ngô Thì Vị đã viết trên vách chùa có thể đã bị phá hủy nên không còn thấy lưu lại. Trương Hảo Hợp (1795-1851), Giáp Phó sứ của sứ đoàn cùng kỳ, sau khi tham quan chùa Tương Sơn, không thể nén được cảm xúc trong lòng và viết bài thơ *Du Toàn Châu Tương Sơn tự*:

古刹曾于梦里寻，行程今日幸登临。七层塔影迷三楚，百障禅关萃一林。

寿域仅留当日骨，慈帆不挂入年心。寻僧未散松间步，云过山门日半沉 (46).

Dịch nghĩa:

"Chùa cổ từng tìm trong mộng, Hành trình nay được hân hạnh viếng thăm. Bóng tháp bảy tầng che phủ đất Sở, Trăm cửa thiền quan tụ hội nơi rừng thiêng.

Vùng đất Phật chỉ còn lại di cốt, Thuyền từ không vướng bận lòng tham. Tìm sư chưa dừng bước trong rừng thông, Mây trôi qua cổng núi, trời đã xế chiều".

Còn đối với Hoàng Trọng Chính, sau khi tham quan chùa Tương Sơn, cũng viết một bài thơ, sau đó được khắc trên thạch bích của núi phía sau chùa:

咸通而后紫云雷，日月乾坤自闔开。已解空门还太始，尚留卓后傍飞来。

昙花春朗湘山岭，贝叶秋澄楚水隈。劫火久灰真性在，传灯照处是天台

Dịch nghĩa:

"Sau Hàm Thông, tiếng sấm sét vang, Trời đất nhật nguyệt tự mở ra. Đã hiểu cửa không về cõi Thái Sơ, Còn lưu dấu vết bên sườn núi.

Hoa đàm mùa xuân rạng rỡ non Tương Sơn, Lá bối thu sang soi sáng nước Sở. Lửa kiếp cháy tàn chân tính vẫn còn, Chỗ đèn truyền sáng là chốn Thiên Thai".

Dựa vào nội dung của bài thơ do Hoàng Trọng Chính và các sứ thần Việt Nam khác viết, có thể thấy rằng họ không chỉ rất quen thuộc với câu chuyện về Thiền sư Toàn Chân, mà còn hiểu biết rõ về sự phát triển và hưng suy của chùa Tương Sơn. Điều này cũng cho thấy chùa Tương Sơn đã có ảnh hưởng tới nhiều trí thức Nho học của Việt Nam khi đó (47).

Chúng ta biết rằng trong thời nhà Thanh, sự giao lưu Phật giáo giữa Trung Quốc và Việt Nam đã trở nên mật thiết. "Điều này không chỉ thể hiện qua việc rất nhiều các Thiền sư từ đất Lĩnh Nam sang Việt Nam để hoằng dương Phật pháp ở Việt Nam, mà còn thể hiện qua việc các Thiền sư Việt Nam lên vùng Lĩnh Nam để học thiền, thỉnh pháp, và du nhập kỹ thuật in ấn kinh điển Phật giáo của Trung Quốc" (48). Các sứ thần của các triều đại quân chủ Việt Nam chắc chắn đã thúc đẩy hơn nữa sự truyền bá và ảnh hưởng của Tịnh độ tông từ chùa Tương Sơn vào Việt Nam trong các chuyến viếng thăm chùa Tương Sơn và giao lưu với các sư tăng. Vào năm Đạo Quang thứ 29 (1849), khi trụ trì chùa Tương Sơn nghe tin có tàu của sứ đoàn Việt Nam đã cập bến Toàn Châu, ông đã tặng bản *Tương Sơn chí* cho sứ đoàn Nguyễn Văn Siêu. Nguyễn Văn Siêu sau khi nhận được *Tương Sơn chí*, không giấu được cảm xúc đã viết bài thơ *Đề Tương Sơn tự chí hậu* để kỉ niệm. Vào ngày 10 tháng 10 năm

Đồng Trị thứ 7 (1868), Giáp Phó sứ Việt Nam là Nguyễn Tư Giản cùng với Ất Phó sứ Việt Nam là Hoàng Tịnh Yết thăm viếng chùa Tương Sơn, lão tăng hậu đường chùa Tương Sơn đã tặng ba bộ *Thọ Phật chí* cho các sứ thần làm lưu niệm (49). *Tương Sơn chí* có lẽ đã được lưu truyền đến Việt Nam thông qua việc đi lại của các sứ thần Việt Nam dưới thời nhà Thanh và đã được tái khắc và in lại. Có học giả cho rằng, bản *Tương Sơn chí* được lưu trữ tại Việt Nam hiện nay là bản sao từ bản *Tương Sơn chí* do Trương Đạm Yên viết vào năm Khang Hy thứ 4 (1708) và được in lại vào năm Tự Đức thứ nhất triều Nguyễn (1848) tại chùa Liên Trì Hải Hội, Việt Nam (50). Điều này cũng phản ánh rõ hơn vị trí đặc biệt của chùa Tương Sơn trong giao lưu văn hóa Phật giáo giữa Trung Quốc và Việt Nam dưới thời nhà Thanh.

4. Kết luận

Quế Lâm phong cảnh nhất thiên hạ, là một thị trấn quan trọng trong hành trình đi sứ của sứ thần Đại Việt thời nhà Thanh, là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của Quảng Tây trong thời kỳ nhà Thanh. Quế Lâm đã trở thành một điểm dừng quan trọng để nhà Thanh tiếp đón sứ thần Đại Việt kế sau trạm tiếp đón trấn Nam Quan. Sứ thần Đại Việt không chỉ diện kiến các quan viên địa phương như Tuần phủ, Án sát sứ, Bố chính sứ, Viêm pháp đạo..., mà còn phải trải qua các thủ tục kiểm tra cống phẩm nghiêm ngặt và theo quy định từ đây gửi "hồi chiết" báo cáo tình hình đi sứ suốt đường đi về nước. Do đó, Quế Lâm cũng trở thành một trong những địa điểm quan trọng được ghi chép đặc biệt trong hành trình đi sứ của họ. Sứ thần Đại Việt không chỉ trực tiếp bày tỏ suy nghĩ, mô tả những quan sát và cảm nhận cá nhân về cảnh quan tự nhiên và văn hóa của Quế Lâm, mà còn mượn cảnh tả tình. Thông qua ngòi bút ghi lại nhận thức và đánh giá về cảnh quan tự nhiên và văn hóa của Quế Lâm, cũng thể hiện sự ghi nhận và tự hào về văn hóa của chính mình. Đồng thời, điều này cũng thể hiện sự khác biệt giữa Trung Quốc và Việt Nam, cũng như tinh thần "cộng hưởng" giữa Đại Việt và Trung Quốc trong giao lưu văn hóa. Quế Lâm do đó đã trở thành một địa điểm lịch sử quan trọng với các trí thức tinh hoa của các vương triều Đại Việt. Chùa Tương Sơn ở Toàn Châu Quế Lâm, được ca ngợi là "Sở Nam đệ nhất thiền lâm", luôn thu hút sự quan tâm của sứ thần Đại Việt. Họ ngưỡng mộ danh tiếng đến tham quan và đề thơ lưu niệm tại thắng địa Phật giáo này, chùa Tương Sơn có vị trí đặc biệt trong giao lưu văn hóa giữa hai quốc gia Việt-Trung. Ngày nay, chùa Tương Sơn ở Toàn Châu, Quế Lâm còn lưu giữ một bức khắc trên đá khắc bài thơ của Hoàng Trọng Chính khi ông đi sứ qua nơi này, đây không chỉ là một trong những minh chứng thể hiện rõ sự giao lưu văn hóa chữ Hán truyền thống mà Việt Nam và Trung Quốc từng chia sẻ, mà còn là phương tiện quan trọng thể hiện cụ thể mối quan hệ Việt-Trung thời nhà Thanh.

CHÚ THÍCH

(29). "Quảng Tây Tuần phủ Tôn Sĩ Nghị 'Tấu báo An Nam Quốc cống sứ để tỉnh khởi trình phó kinh sự'", Bảo tàng Cố cung Đài Bắc Trung Quốc biên: "Cung trung đáng Càn Long triều tấu chiết", tập 57, tr. 647-648.

(30). Từ Bí Tu, Tạ Doãn Phục soạn, Tưởng Triều Quân, Trương Vân Giang (hiệu đính chú thích), Tương Sơn chí' "hiệu thích", quyển 1 "Nhân duyên", Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 2019, tr.33: 敕封慈佑寂照妙应普惠大师，法讳全真，号宗慧，大唐荆湖南郴州资兴

县（今湖南省郴州资兴市兴宁镇）程水乡天寿里周源山人，俗姓周。

(31). Từ Bí Tu, Tạ Doãn Phục soạn, Tưởng Triều Quân, Trương Vân Giang (hiệu đính chú thích), *Tương Sơn chí hiệu thích*, quyển 1 "Nhân duyên", tr.34; Phùng Hoán Trân, *Tương Sơn Tông Huệ Thiền Sư* và *Mục ngưu ca*, Tạp chí *Đại Học Trung Sơn*, số 4 - 2009. Theo khảo cứu của tác giả, giai đoạn đầu nhà Đường, Phật giáo phát triển nhanh chóng, Thiền Tông hưng thịnh, dần dần hình thành bối cảnh đỉnh ba chân của hai hệ Nam Bắc thiền môn và Giang Đông Ngưu Đầu Tông. Năm Thiên Bảo thứ 14 (755), Đường Huyền Tông, phía bắc bùng phát "Loạn An Sử", một dải Giang Đông khá yên bình, Ngưu Đầu Tông vì đó mà có bước phát triển tiếp theo. Năm Đại Lịch thứ 3 (768), Đường Đại Tông, Thiền sư Pháp Khâm được ban hiệu là "Quốc nhất Quốc sư", Ngưu Đầu Tông đạt đến trạng thái thịnh vượng, nhưng sau Thiền sư Pháp Khâm "Do không xuất hiện nhân vật có ảnh hưởng sâu rộng, Ngưu Đầu Tông cũng dần mai một và cuối cùng hòa nhập vào hệ thiền Nam tông, tham khảo Lưu Hiểu Ngọc, *Thiền môn Ngưu Đầu Tông truyền thừa pháp hệ khảo biện*, "Phật học Trung Quốc", tập 2 - 2014.

(32). Chung Văn Điển, Lưu Thạc Lương (chủ biên), *Trung Quốc địa vực văn hóa thông lãm*, *Quảng Tây quyển*, Trung Hoa thư cực, Bắc Kinh, 2013, tr.108.

(33). Do có nhiều ghi chép khác nhau về năm sinh và năm mất của Thiền Sư Toàn Chân, nên các ghi chép về tuổi thọ của ông cũng có nhiều quan điểm khác nhau như 140 tuổi, thậm chí là 186 tuổi. Dẫn chứng từ *Tương Sơn Tông Huệ Thiền Sư* và *Mục ngưu ca* của ông, của Phùng Hoán Trân, thông qua khảo chứng, quyển 49 "Tiên Thích" trong "Quảng Tây thống chí" năm Gia Tĩnh, do Lâm Phú, Hoàng Tá người nhà Minh biên soạn, có ghi chép "Tuất niên nhất bách tam thập nhị tuế" phù hợp hơn. Nay đều theo quan điểm này.

(34). Phùng Hoán Trân, "Tương Sơn Tông Huệ Thiền Sư" và 'Mục ngưu ca' của ông", "Tạp chí Đại Học Trung Sơn, số 4 - 2009.

(35). Từ Bí Tu, Tạ Doãn Phục (soạn), Tưởng Triều Quân, Trương Vân Giang (hiệu đính chú thích), *Tương Sơn chí hiệu thích*, quyển 4 "Nghệ văn", tr. 223, nguyên văn: "乾符甲午（874）夏，刘相公瞻从驩州召还，过湘源，以佛与同郡，诣院供香".

(36). *Tân Đường Thư*, quyển 181, "Lưu Chiêm truyện", Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 1975, tr. 5352-5353. 贬驩州司户参军事.

(37). "Tân Đường Thư" quyển 181 "Lưu Chiêm truyện", tr. 5353; "Tân Đường Thư" quyển 9 "Hy Tông bản kỷ", tr. 264.

(38). Hiệu Cao Thiền, Cứu sinh thượng sĩ, tên tục là Trịnh Thập (1696-1733), ông là con trai thứ mười của Tấn Quang Vương Trịnh Bính, trưởng tôn của Chúa Trịnh Căn thời Hậu Lê, được phong tước Thận Quận công, kết hôn với công chúa thứ tư của vua Hy Tông nhà Hậu Lê. *Nam phong tạp chí*, ghi chép "Trịnh thị thế gia": "Đô đốc chiêm sự phó tướng Thận Quận công, húy Thập, do xuất gia tu hành, trú Hồng Mai phường Liên Tông tự, hiệu Thiên Vương Bồ Tát. Trưởng tử Trịnh Giá phụng tự".

(39). Đỗ Kế Văn (chủ biên), "Phật giáo sử", Nxb.Nhân dân Giang Tô, Nam Kinh, 2006, tr. 514-515.

(40). Nguyễn Trung Ngạn, *Giới Hiên thi tập*, Viện nghiên cứu Văn học và Lịch sử Đại học Phúc Đán (Trung Quốc) và Viện nghiên cứu Hán Nôm (Việt Nam) hợp biên, *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành (phần Việt Nam biên soạn và lưu trữ)*, quyển 1, tr. 27.

(41). Viện nghiên cứu Văn học và Lịch sử Đại học Phúc Đán (Trung Quốc) và Viện nghiên cứu Hán Nôm (Việt Nam) hợp biên, *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành*, Nxb. Đại học Phúc Đán, Thượng Hải, 2010.

(42). Ngô Thì Vị, *Mai dịch tưu dư*, Viện nghiên cứu Văn học và Lịch sử Đại học Phúc Đán (Trung Quốc) và Viện nghiên cứu Hán Nôm (Việt Nam) hợp biên, *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành (phần Việt Nam biên soạn và lưu trữ)*, quyển 9, Nxb. Đại học Phúc Đán, Thượng Hải, 2010, tr. 299-300.

(43). Ngô Thì Vị, *Mai dịch tưu dư*, Viện nghiên cứu Văn học và Lịch sử Đại học Phúc Đán (Trung Quốc) và Viện nghiên cứu Hán Nôm (Việt Nam) hợp biên, *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành (phần Việt Nam biên soạn và lưu trữ)*, quyển 9, Nxb. Đại học Phúc Đán, Thượng Hải, 2010, tr. 297-298.

(44). Ngô Thì Vị, *Mai dịch tưu dư*, Viện nghiên cứu Văn học và Lịch sử Đại học Phúc Đán (Trung Quốc) và Viện nghiên cứu Hán Nôm (Việt Nam) hợp biên, *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành (phần Việt Nam biên soạn và lưu trữ)*, quyển 9, Nxb. Đại học Phúc Đán, Thượng Hải, 2010, tr. 299-300.

(45). Phan Huy Chú, *Hoa trình tục ngâm*, Viện nghiên cứu Văn học và Lịch sử Đại học Phúc Đán (Trung Quốc) và Viện nghiên cứu Hán Nôm (Việt Nam) hợp biên, *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành (phần Việt Nam biên soạn và lưu trữ)*, quyển 12, tr. 58-59.

(46). Trương Hảo Hợp, *Mộng mai đình thi thảo*, Viện nghiên cứu Văn học và Lịch sử Đại học Phúc Đán (Trung Quốc) và Viện nghiên cứu Hán Nôm (Việt Nam) hợp biên, *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành (phần Việt Nam biên soạn và lưu trữ)*, quyển 12, tr. 150.

(47). Trương Vân Giang, *Sở Nam đệ nhất thiền lâm - Tương Sơn tự*, Báo *Dân tộc Trung Quốc*, ngày 20 - 8 - 2013, ấn bản thứ 7, tuần báo Tôn giáo Nhân văn.

(48). Đàm Chí Từ, *Giao lưu Phật giáo giữa Lĩnh Nam và Việt Nam thế kỷ XVII, XVIII*, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo thế giới*, số 3 - 2007.

(49). Nguyễn Tư Giản, *Yên thiều bút lục*, Viện nghiên cứu Văn học và Lịch sử Đại học Phúc Đán (Trung Quốc) và Viện nghiên cứu Hán Nôm (Việt Nam) hợp biên, *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành (phần Việt Nam biên soạn và lưu trữ)*, quyển 19, tr. 108-111.

(50). Xem: Vương Tiểu Thuẫn, Lưu Xuân Ngân, Trần Nghĩa chủ biên, *Việt Nam Hán Nôm văn hiến mục lục đề yếu*, Viện Văn học triết học Nghiên cứu Trung Ương, Đài Bắc, 2002, tr. 547; Lưu Ngọc Quân, *Nghiên cứu văn hiến học về cổ tịch Hán - Nôm Việt Nam*, Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 2007, tr. 111.